

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị Yêm và
anh Khoan.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Lò Văn Khết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị Y, sinh năm 1995.

Trú tại: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn K, sinh năm 1994.

Trú tại: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Quàng Thị Y trình bày:

Chị và anh Lương Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/11/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lương Văn K không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được.

Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị **Quàng Thị Y** xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh **Lường Văn K.**

Về con chung: Có một con là **Lường Thị Nhã U**, sinh ngày 01/6/2018. Hiện nay chị đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh **Lường Văn K** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Lường Văn K** trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Quàng Thị Y** và anh **Lường Văn K.** Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị **Quàng Thị Y.** Nay chị **Quàng Thị Y** yêu cầu ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có một con là **Lường Thị Nhã U**, sinh ngày 01/6/2018. Anh nhất trí để con cho chị **Quàng Thị Y** nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị **Quàng Thị Y** được ly hôn anh **Lường Văn K.**

Giao cháu **Lường Thị Nhã U**, sinh ngày 01/6/2018 cho chị **Quàng Thị Y** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Lường Văn K** không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Quàng Thị Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Lường Văn K** sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh **Lường Văn K** đã được cấp tổng

đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị **Quàng Thị Y** có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Quàng Thị Y** và anh **Lường Văn K** có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh **Lường Văn K** không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khác phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị **Quàng Thị Y** và anh **Lường Văn K** đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị **Quàng Thị Y** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị **Quàng Thị Y** được ly hôn anh **Lường Văn K**.

[3] Về con chung: Có một con là **Lường Thị Nhã U**, sinh ngày 01/6/2018. Hai đương sự nhất trí để cho chị **Quàng Thị Y** trực tiếp nuôi con, cần chấp nhận giao con **Lường Thị Nhã U** cho chị **Quàng Thị Y** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **Quàng Thị Y** không yêu cầu anh **Lường Văn K** phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Quàng Thị Y** đã được giải thích thủ tục miễn án phí, chị không cần miễn án phí. Nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị **Quàng Thị Y** được ly hôn anh **Lường Văn K**.
2. Về con chung: Giao cháu **Lường Thị Nhã U**, sinh ngày 01/6/2018 cho chị **Quàng Thị Y** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Lường Văn K** không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Quàng Thị Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001696 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị **Quàng Thị Y**, anh **Lường Văn K** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND Nậm Pấm, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn